

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 8 - 2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Nguyễn Thị M Nhiên
<i>Các Hội thẩm nhân dân:</i>	Ông Võ Minh Tuấn
	Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ M X, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ap CK, X LT, H GR, T KG

- Bị đơn: Anh Danh Si N, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ap CK, X LT, H GR, T KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Hồ M X trình bày: Chị X và anh N tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1994, nhưng đăng ký kết hôn trễ hạn ngày 09/12/2002, được UBND xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Trong thời gian chung sống chị và anh N có 02 người con chung tên Danh Mạnh C, sinh ngày 12/6/1995 và Danh Hồ M M, sinh ngày 24/4/2000. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2002 hay 2003 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N thường siêng nhậu nhẹt say sấn chửi mắng vợ con. Hiện tại chị và ông N đã sống ly thân hơn 02 năm nay, ông N sống ở nhà trên còn chị thì qua ở

bên quán. Nay chị xét thấy giữa chị và anh N không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Si N.

Về con chung chị X xác định có 02 người con chung Danh Mạnh C, sinh ngày 12/6/1995 và Danh Hồ M M, sinh ngày 24/4/2000, các con đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Danh Si N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X nên không gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ M X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh Danh Si N.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị X, anh N có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân chị X cho rằng anh N thường siên say sỉn, chửi mắng vợ con và có lúc anh N dùng bạo lực với chị, chị và anh N đã ly thân. Trong quá trình tố tụng anh N đã Tòa án đã thông báo đầy đủ các thủ tục tố tụng cho anh N đưa ra phương pháp hàn gắn hôn, nhưng anh N không đưa ra được và không tham gia phiên tòa để Tòa án tiến hành hòa giải động viên. Tại phiên tòa nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh N. Từ đó, xét thấy hôn nhân giữa chị X và anh N đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt.

Về con chung chị X xác định con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14; Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về việc được ly hôn với anh Danh Si N. Về con chung: không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên đề nghị xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh N với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Cỏ Khía, xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồ M X và anh Danh Si N là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, ngày 09/12/2002, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 cũng như Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị X cho rằng anh N thường siêng say sìn, chửi mắng vợ con. Mục đích hôn nhân không đạt được nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N. Đối với bị đơn anh N có ý kiến không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X, Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng và đưa ra các biện pháp hàn gắn vợ chồng lại, nhưng bị đơn không có mặt cũng như không đưa ra các

biện pháp để níu kéo cuộc hôn nhân. Trong khi nguyên đơn chị X thì kiên quyết được ly hôn. Mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên hòa giải, nhưng không thành. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị X, anh N đã không thể cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc như mục đích của hôn nhân, nên xét thấy hôn nhân giữa chị X, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của địa diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu của ly hôn của chị X đối với anh N.

[2.2]. Về con chung: Chị X xác định có 02 người con chung Danh Mạnh C, sinh ngày 12/6/1995 và Danh Hồ M M, sinh ngày 24/4/2000, các con đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Hồ M X phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ M X được ly hôn với anh Danh Si N.

2. Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Hồ M X phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005887 ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Hồ M X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Danh Si N vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị M Nhiên

